

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 406 /QĐ-HVTC ngày 14 / 04 / 2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- | | |
|-------------------------------------|--|
| - NGÀNH ĐÀO TẠO: | TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
(Tên Tiếng Anh: Finance Banking) |
| - MÃ NGÀNH: | 7340201 |
| - TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: | ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
(Tên Tiếng Anh: Financial Investment) |
| - MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: | 01.19QT |
| - TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: | Đại học (Chương trình định hướng chứng chỉ quốc tế) |
| - HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: | Chính quy |
| - VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP: | Cử nhân |
| - ĐƠN VỊ CẤP BẰNG | Học viện Tài chính |
| - ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH: | 2025 (Từ khóa 63) |

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo (CTĐT) Đầu tư tài chính định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB), ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, có kiến thức chuyên môn về đầu tư tài chính để đáp ứng yêu cầu công việc, góp phần phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Sau khi tốt nghiệp, người học có nền tảng vững chắc về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị – pháp luật và ngoại ngữ; được trang bị kiến thức toàn diện trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kinh tế, quản lý và quản trị, đặc biệt là chuyên môn sâu về Đầu tư tài chính. Ngoài kiến thức chuyên môn, người học phát triển các kỹ năng giao tiếp, ứng xử, giải quyết vấn đề; có năng lực lãnh đạo, quản lý, tư duy khoa học, sáng tạo và đổi mới. Người học có khả năng phân tích, đánh giá, hoạch định, tổng hợp đa ngôn ngữ và vận dụng linh hoạt trong thực tiễn nghề nghiệp. Người học cũng được rèn luyện tính tự chủ, tinh thần trách nhiệm, khả năng tự học, khởi nghiệp và thích ứng nhanh với môi trường làm việc trong nước và quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh kỷ nguyên số. Đồng thời, người học có ý thức kỷ luật, tinh thần phục vụ cộng đồng và định hướng học tập suốt đời. Chương trình cũng giúp người học mở rộng kiến thức chuyên sâu nhằm gia tăng cơ hội nghề nghiệp ở phạm vi toàn cầu.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives):

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT), Tiếng Anh nâng cao để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về GDQP&AN, GDTC để vừa rèn luyện sức khỏe; sống có kỷ luật; có ý thức góp phần xây dựng phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

PO2: Có kiến thức cơ bản về Tài chính - Ngân hàng, kế toán, kinh tế, quản lý và quản trị, pháp luật kinh tế để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản của lĩnh vực đầu tư tài chính trong môi trường làm việc thực tế; có năng lực Tiếng Anh chuyên sâu và ứng dụng công nghệ số.

PO3: - Có kiến thức chung của ngành Tài chính - Ngân hàng và các ngành khác: Bảo hiểm, Quản lý công, Kinh tế, Kế toán, Kiểm toán, Marketing để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu lĩnh vực Đầu tư tài chính.

- Có kiến thức chuyên môn cụ thể khác về các lĩnh vực: tài chính - kế toán - kinh doanh theo định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) của Viện Kế toán Công chứng Vương quốc Anh và xứ Wales (The Institute of Chartered Accountants in England and Wales) hỗ trợ chuyên ngành Đầu tư tài chính để người học sau khi tốt nghiệp trở thành chuyên gia toàn cầu về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp toàn cầu.

PO4: - Có kiến thức lý thuyết sâu, rộng về lĩnh vực Đầu tư tài chính, bao gồm: phân tích đầu tư tài chính, quản trị rủi ro, quản lý danh mục đầu tư, đầu tư thay thế, chứng khoán phái sinh, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trong nước và quốc tế.

- Được trang bị kiến thức chuyên môn về Đầu tư tài chính để đảm nhiệm các công việc như: phân tích đầu tư tài chính, quản lý danh mục đầu tư, môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư, tư vấn bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản trị rủi ro và tham mưu trong quá trình ra quyết định liên quan đến lĩnh vực đầu tư tài chính.

- Có kiến thức thực tiễn vững chắc và khả năng vận dụng vào thực hành nghề nghiệp để lập báo cáo và thực tập tốt nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực Đầu tư tài chính và lĩnh vực hỗ trợ khác.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực Đầu tư tài chính.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; có khả năng dẫn dắt chuyên môn, cập nhật kiến thức phục vụ công việc.

- Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và quản lý thời gian; kỹ năng thuyết trình, luận giải và đặt vấn đề có căn cứ thuyết phục; có năng lực phản biện và đưa ra được chính kiến của mình với lý lẽ khoa học.

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo CNTT, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Chủ động áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện công việc một cách khoa học, chuyên nghiệp và hiệu quả.

- Chủ động cập nhật kiến thức mới, nắm bắt kịp thời các văn bản và tài liệu liên quan đến lĩnh vực Đầu tư tài chính.

- Tự chịu trách nhiệm cá nhân; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

- Có trách nhiệm với tập thể, cộng đồng và xã hội.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế.

- Có khả năng tự học, cập nhật, bổ sung các kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp CTĐT Đầu tư tài chính, ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) của Học viện Tài chính có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc chuyên môn trong các lĩnh vực như đầu tư tài chính, ngân hàng, quản lý rủi ro, bảo hiểm, kinh tế, kế toán và kiểm toán. Với kiến thức chuyên sâu về tài chính - kế toán - kinh doanh theo định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) của Viện Kế toán Công chứng Vương quốc Anh và xứ Wales, người học sau tốt nghiệp có cơ hội việc làm tại các cơ quan Nhà nước, các cơ sở đào tạo nghiên cứu, có cơ hội phát triển sự nghiệp tại các doanh nghiệp, định chế tài chính trong nước và quốc tế, cụ thể:

- Cơ quan Nhà nước: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Ngân hàng Nhà nước hoặc các Sở, Ban, Ngành liên quan.

- Tổ chức tài chính và doanh nghiệp trong nước và quốc tế: Công ty chứng khoán; Công ty quản lý quỹ; Công ty tài chính; Ngân hàng thương mại;...

- Cơ sở đào tạo và nghiên cứu: Giảng viên, chuyên gia tư vấn, nghiên cứu viên tại các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và Đầu tư tài chính.

- Tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm, vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc trực tiếp tham gia khởi nghiệp trong lĩnh vực tài chính.

Ngoài ra người học có thể đảm nhiệm các công việc như: Chuyên gia tài chính, môi giới, chuyên gia tư vấn đầu tư, chuyên gia quản lý tài chính cá nhân,...

2.5. Về văn bằng tốt nghiệp và kết quả học tập môn học theo định hướng chứng chỉ quốc tế:

2.5.1. Về văn bằng tốt nghiệp.

Người học theo định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) tại HVTC, sau khi tốt nghiệp có cơ hội nhận được 2 văn bằng; chứng chỉ trong 1 chương trình, gồm:

- Bằng cử nhân chính quy định hướng chứng chỉ quốc tế của HVTC;
- Chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB về Tài chính, Kế toán, Kiểm toán và Kinh doanh của Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales ICAEW (The Institute of Chartered Accountants in England and Wales).

2.5.2. Cơ hội và kết quả học tập theo định hướng chứng chỉ quốc tế

- Sau khi hoàn thành các môn học theo định hướng chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB, người học có cơ hội thi lấy chứng chỉ ICAEW CFAB. Chứng chỉ ICAEW CFAB là chứng chỉ quốc tế về tài chính, kế toán, kinh doanh và thuộc TOP 10 chứng chỉ nghề nghiệp mà một chuyên viên kế toán, kiểm toán, tài nên theo đuổi.

- Sinh viên có cơ hội được tham quan thực tế doanh nghiệp là đối tác của ICAEW Việt Nam và các đơn vị liên kết giúp kết nối lý thuyết với thực tiễn.

- Có cơ hội thi và nhận danh hiệu ICAEW Chartered Accountant (ICAEW ACA), được giới chuyên nghiệp đánh giá cao nhất tại Anh, Mỹ, Úc, Châu Âu.

- Có cơ hội thi chuyển đổi sang bằng hành nghề Kế toán - Kiểm toán các quốc gia khác (CPA Việt Nam, CPA Canada, ...) hoặc tham gia kỳ thi chuyển đổi để sở hữu chứng chỉ Kiểm toán nội bộ quốc tế, Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro, ... (sau khi lấy được Chứng chỉ ICAEW ACA).

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes):

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Đầu tư tài chính định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB), ngành Tài chính - Ngân hàng đạt chuẩn kiến thức của trình độ đại học; có kiến thức lý thuyết và thực tế vững chắc, toàn diện và chuyên sâu về lĩnh vực Đầu tư tài chính; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có khả năng tự chủ và trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Cụ thể:

3.1. Về kiến thức:

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiên bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, để phục vụ nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin, Tiếng Anh nâng cao đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và hỗ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành:**

PLO4: - Hiểu và vận dụng được những nội dung lý thuyết cơ bản của nguyên lý kinh tế học, nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, cùng các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động của từng thị trường trong việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế, đồng thời giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

- Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng, cơ bản về kế toán, tài chính, tiền tệ, pháp luật kinh tế; kiến thức cốt lõi về Tài chính – Ngân hàng để phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề chuyên môn liên quan lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; sử dụng Tiếng Anh kinh tế, Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu chuyên sâu.

*** Kiến thức ngành và hỗ trợ:**

PLO5: - Vận dụng kiến thức cơ bản về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng trong mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực liên quan khác.

- Vận dụng, phân tích, đánh giá, luận giải, tổng hợp được một số vấn đề chuyên sâu/nghiệp vụ cụ thể về: Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế, Kế toán, Kiểm toán làm cơ sở cho nghiên cứu chuyên sâu về Đầu tư tài chính.

PLO6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về: tài chính - kế toán - kinh doanh theo định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) của Viện Kế toán Công chứng Vương quốc Anh và xứ Wales (The Institute of Chartered Accountants in England and Wales) trong tiếp cận, giải quyết vấn đề để hỗ trợ chuyên môn cho lĩnh vực Đầu tư tài chính. Người học sau khi tốt nghiệp được có khả năng tham gia kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề quốc tế ICAEW CFAB và các chứng chỉ hành nghề quốc tế khác, trở thành chuyên gia toàn cầu về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, mở rộng cơ hội việc làm và đáp ứng tiêu chuẩn tuyển dụng nhân lực trình độ cao trong điều kiện hội nhập quốc tế.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Kiến thức cơ bản và pháp luật: Nắm vững các quy định pháp lý liên quan đến ngành Tài chính - Ngân hàng và lĩnh vực Đầu tư tài chính, đồng thời chủ động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới.

- Kiến thức chuyên sâu: Am hiểu toàn diện về thị trường tài chính, quản trị rủi ro, phân tích đầu tư tài chính, chứng khoán phái sinh, quản lý danh mục đầu tư, đầu tư thay thế và kinh doanh chứng khoán.

- Ứng dụng công nghệ: Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng, hỗ trợ hiệu quả trong việc: phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo các vấn đề trong lĩnh vực Đầu tư tài chính.

PLO8: Vận dụng kiến thức thực tế và chuyên sâu trong thực hành nghề nghiệp tại các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và viết báo cáo thực tập, luận văn tốt nghiệp bằng ngôn ngữ Tiếng Anh.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Có kỹ năng phát hiện, đánh giá, phản biện, xử lý, tham mưu, tư vấn các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Đầu tư tài chính.

- Có kỹ năng khởi nghiệp và tạo việc làm cho người khác ngành trong ngành Tài chính - Ngân hàng, lĩnh vực Đầu tư tài chính hoặc các lĩnh vực liên quan khác.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, phản biện, thấu hiểu; có kỹ năng thuyết trình, làm việc độc lập/nhóm khoa học và chuyên nghiệp để giải quyết tốt vấn đề thực tiễn; có kỹ năng tự học và sáng tạo; tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản pháp luật phục vụ công việc chuyên môn...

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học; tư duy đổi mới và sáng tạo; soạn thảo văn bản chuẩn mực; luận giải logic các vấn đề thực tiễn đặt ra một cách thuyết phục và có căn cứ thực hiện.

PLO10: - Có năng lực học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn tối thiểu kỹ năng CNTT cơ bản hoặc tương đương và năng lực số theo quy định hiện hành; tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có ích và xử lý tốt thông tin, dữ liệu.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tối thiểu 4/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng hiệu quả Tiếng Anh chuyên sâu trong công việc và cuộc sống.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt; có sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc

- Có tư duy đổi mới và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu.

- Có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được đào tạo chuyên sâu;

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

- Chủ động cập nhật và áp dụng kiến thức mới, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện công việc một cách khoa học, chuyên nghiệp và hiệu quả.

PLO12: Có trách nhiệm học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; có trách nhiệm tự cập nhật, đào tạo để khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm với tập thể và cộng đồng.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Nhóm kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các CTĐT: Tên môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)	ĐHCC quốc tế
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41			
A1		Kiến thức chung	30			
		<i>Phần bắt buộc</i>	24			
1	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	45		
2	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	30		
3	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		
4	VPP0401	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	30		
5	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
6	BFL0118Q	Tiếng Anh nâng cao	4	60		
7	AMA0239	Toán cao cấp	3	45		
8	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30		
9	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30		
10	ITO0236	Tin học	2	30		
		<i>Phần tự chọn</i>	6			
		<i>Nhóm 1</i>	2			
11	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30		
		<i>Nhóm 2</i>	4			
12	MMO0113	Mô hình toán kinh tế	2	30		
13	EEC0097	Kinh tế môi trường	2	30		
14	MSI0056	Khoa học quản lý	2	30		
15	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30		
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11			
16	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165		
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90		
		<i>Phần bắt buộc</i>	1			
17	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30		
18	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)	ĐHCC quốc tế
		Phần tự chọn	2			
19	AED0351	Bóng rổ	2	60		
20	AED0352	Bóng chuyền	2	60		
21	AED0353	Bơi	2	60		
22	AED0354	Bóng bàn	2	60		
23	AED0355	Cầu lông	2	60		
24	AED0356	Taekwondo	2	60		
25	AED0357	Golf	2	60		
26	AED0359	Thẻ dực phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online	
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90			
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6			
27	MAE0012Q	Kinh tế vĩ mô cơ bản (Basic Macroeconomics)	3	45	Tiếng Anh	
28	MIE0011Q	Kinh tế vi mô cơ bản (Basic Microeconomics)	3	45	Tiếng Anh	
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24			
29	EFL0012Q	Tiếng Anh kinh tế	3	45		
30	EFL0011Q	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60		
31	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	60		
32	ELA0143	Pháp luật kinh tế	2	30		
33	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	45		
34	FAM0195	Tài chính tiền tệ (Monetary and Finance)	4	60	Tiếng Anh	
35	RMP0314	Nguyên lý quản trị rủi ro	2	30		
36	QEC0097	Kinh tế lượng cơ bản	2	30		
B3		Kiến thức ngành	16			
37	TAX0215	Thuế	2	30		
38	CUS0030	Hải quan	2	30		
39	CMB0111	Ngân hàng thương mại (Commercial Bank)	2	30	Tiếng Anh	
40	CFI0301	Tài chính doanh nghiệp căn bản	2	30		

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)	ĐHCC quốc tế
41	BFA0110	Phân tích tài chính căn bản	2	30		
42	FFA0140	Phân tích và dự báo dữ liệu tài chính	2	30		
43	EIF0300	Tài chính quốc tế (International Finance)	2	30	Tiếng Anh	
44	IEC0100	Kinh tế quốc tế	2	30		
B4		Kiến thức chuyên ngành	14			
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>12</i>			
45	SMI0375	Thị trường tài chính (Financial Market)	2	30	Tiếng Anh	
46	FIA0058	Phân tích đầu tư tài chính	4	60		
47	SET0110	Kinh doanh chứng khoán (Securities Business)	3	45	Tiếng Anh	
48	POM2101	Quản lý danh mục đầu tư	3	45		
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>2</i>			
49	DER0312	Chứng khoán phái sinh	2	30		
50	AIP0348	Đầu tư thay thế	2	30		
B5		Kiến thức bổ trợ	20			
		<i>Nhóm 1</i>	<i>2</i>			
51	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15		
52	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15		
53	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15		
54	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15		
55	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15		
		<i>Nhóm 2</i>	<i>18</i>			
56	BSL0002	Luật kinh doanh (Business Law)-ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB
57	TAF0103	Thuế căn bản (Tax Fundamentals)-ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB
58	BIP2001	Thông tin quản trị kinh doanh và hiệu quả hoạt động (Business Insight and Performance)-ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB
59	AFB0011	Kế toán tài chính cơ bản (Accounting Fundamentals)-ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)	ĐHCC quốc tế
60	SAE0002	Bền vững và Đạo đức nghề nghiệp (Sustainability and Ethics)-ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB
61	ARF0007	Nguyên lý dịch vụ đảm bảo và rủi ro (Assurance and Risk Fundamentals)-ICAEW CFAB	3	45	Tiếng Anh	ICAEW CFAB
B6		Thực tập tốt nghiệp	10			
62	SPR0119Q	Thực tập tốt nghiệp (Graduation Internship) – 01.19QT	10	150	Tiếng Anh	
		<i>Thực tập cuối khóa (thực hành)</i>	4	60	<i>Tiếng Anh</i>	
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	6	90	<i>Tiếng Anh</i>	
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131			
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120			

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến
- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ (dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn		x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp							x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành luận văn tốt nghiệp).

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong chương trình đào tạo.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp thuyết giảng; **2)** Phương pháp thảo luận; **3)** Phương pháp làm việc nhóm; **4)** Phương pháp tranh biện; **5)** Phương pháp tình huống; **6)** Phương pháp trải nghiệm thực tế; **7)** Phương pháp thực hành; **8)** Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy – học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,... nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá:

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy – học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy – học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức đánh giá kết thúc môn học khác.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Đầu tư tài chính định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) phù hợp với ngành Tài chính - Ngân hàng; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.

- Nội dung CTĐT Đầu tư tài chính định hướng chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ đại học chương trình định hướng chứng chỉ quốc tế tại Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỞNG KHOA



Đoàn Minh Phụng

KT. GIÁM ĐỐC

TÀI CHÍNH
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Thị Thủy